

Hải Hậu, ngày 24 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao quyền tự chủ về biên chế, tài chính giai đoạn 2021 - 2025
đối với các cơ quan ban ngành, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp công lập

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2005 của Chính Phủ;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Thông tư 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17/01/2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; Thông tư 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 23/6/2015 của UBND huyện Hải Hậu về tình giản biên chế giai đoạn 2015-2021 của huyện; Căn cứ Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 11/5/2020 của UBND huyện về biên chế hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp của huyện năm 2021;

Xét đề nghị của phòng Tài chính - KH huyện tại Tờ trình số 232/TTr-TCKH ngày 24/12/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí giai đoạn 2021 -2025 cho các đơn vị cụ thể là:

1. Các đơn vị QL hành chính đối với các cơ quan Nhà nước theo Nghị định 130/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 của Chính

phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

(Có bản chi tiết đính kèm)

2. Các đơn vị sự nghiệp thực hiện theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ; Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập:

(Có bản chi tiết đính kèm)

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao tại Điều 1, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt các quy định tại các Nghị định nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021(giai đoạn 2021-2025).

Chánh Văn phòng UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng đơn vị được giao quyền tự chủ tại Điều 1 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3
- Lưu: Văn thư, phòng TC-KH

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Hải Điền

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
ĐƯỢC GIAO QUYỀN TỰ CHỦ GIAI ĐOẠN 2021 -2025**
(Kèm theo Quyết định số 8174 ngày 24/12/2020 của UBND huyện Hải Hậu)

STT	Tên đơn vị	Mã QHNS	Ghi chú
I	Các đơn vị QL hành chính theo Nghị định 130/NĐ-CP của Chính phủ; NĐ 117/2013 ngày 7/10/2013 của Chính phủ		
1	Văn phòng HĐND -UBND	1040708	
2	Phòng NN& PT Nông thôn	1119014	
3	Phòng Tư pháp	1127902	
4	Phòng Tài chính KH	1095319	
5	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1076412	
6	Phòng Y tế	1127903	
7	Phòng Lao động TBXH	1060662	
8	Phòng Văn hóa thông tin	1127904	
9	Phòng Tài nguyên môi trường	1127905	
10	Phòng Nội vụ	1127907	
11	Thanh tra huyện	1127906	
12	Phòng kinh tế và hạ tầng (Phòng Công thương cũ)	1057924	
13	Khối Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể:	1076413	
13.1	Mặt trận Tổ quốc huyện		
13.2	Hội Nông dân huyện		
13.3	Hội LH Phụ nữ huyện		
13.4	Đoàn thanh niên huyện		
13.5	Hội cựu chiến binh		
13.6	Hội chữ thập đỏ		

STT	Tên đơn vị	Mã QHNS	Ghi chú
II	Các đơn vị sự nghiệp thực hiện theo nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của chính phủ; Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực SN kinh tế và SN khác		
1	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện	1106405	
2	Văn phòng HĐND và UBND	1040708	
III	Các đơn vị sự nghiệp thực hiện theo nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của chính phủ; nghị định 43/2006NĐ-CP ngày 25/4/2006 của chính phủ: quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập		
1	Trung tâm GDNN -GDTX	1002588	
2	Trung tâm VH TT- TT huyện	1051480	
	Các trường trực thuộc phòng GD-ĐT huyện		
1	Mầm non Hải An	1129464	
2	Mầm non Hải Anh	1129463	
3	Mầm non Hải Bắc	1129462	
4	Mầm non TT Cồn	1129461	
5	Mầm non Hải Cường	1129460	
6	Mầm non Hải Châu	1129459	
7	Mầm non Hải Chính	1129458	
8	Mầm non Hải Đông	1129457	
9	Mầm non Hải Đường	1129456	
10	Mầm non Hải Giang	1129455	
11	Mầm non Hải Hà	1129454	
12	Mầm non Hải Hoà	1129453	
13	Mầm non Hải Hưng	1129452	
14	Mầm non Hải Long	1129451	
15	Mầm non Hải Lộc	1129450	
16	Mầm non Hải Lý	1129449	
17	Mầm non Hải Nam	1129447	
18	Mầm non Hải Ninh	1129446	
19	Mầm non Hải Minh	1129448	
20	Mầm non Hải Phong	1129445	
21	Mầm non Hải Phúc	1129443	
22	Mầm non Hải Phú	1129444	
23	Mầm non Hải Phương	1129442	
24	Mầm non Hải Quang	1129441	
25	Mầm non Hải Sơn	1129440	
26	Mầm non Hải Tân	1129439	
27	Mầm non Hải Tây	1129438	

STT	Tên đơn vị	Mã QHNS	Ghi chú
28	Mầm non Hải Thanh	1129436	
29	Mầm non Thịnh Long	1129435	
30	Mầm non Hải Trung	1129434	
31	Mầm non Hải Triều	1129433	
32	Mầm non Hải Vân	1129432	
33	Mầm non Hải Xuân	1129431	
34	Mầm non Yên Định	1129430	
35	Trường tiểu học Hải An	1107981	
36	Trường tiểu học Hải Anh	1107982	
37	Trường tiểu học Hải Bắc	1107985	
38	Trường tiểu học TT Cồn	1102673	
39	Trường tiểu học Hải Cường	1107986	
40	Trường tiểu học Hải Châu	1107987	
41	Trường tiểu học Hải Chính	1107988	
42	Trường tiểu học Hải Đông	1102686	
43	Trường tiểu học Hải Đường	1107989	
44	Trường tiểu học Hải Giang	1107991	
45	Trường tiểu học Hải Hà	1107992	
46	Trường tiểu học Hải Hòa	1102688	
47	Trường tiểu học Hải Hưng	1102690	
48	Trường tiểu học Hải Long	1107993	
49	Trường tiểu học Hải Lộc	1107994	
50	Trường tiểu học Hải Lý	1102691	
51	Trường tiểu học Hải Nam	1103983	
52	Trường tiểu học Hải Ninh	1107996	
53	Trường tiểu học Hải Minh	1107995	
54	Trường tiểu học Hải Phong	1107997	
55	Trường tiểu học Hải Phúc	1107998	
56	Trường tiểu học Hải Phú	1102677	
57	Trường tiểu học Hải Phương	1102678	
58	Trường tiểu học Hải Quang	1107999	
59	Trường tiểu học Hải Sơn	1108000	
60	Trường tiểu học Hải Tân	1108001	
61	Trường tiểu học Hải Tây	1108003	
62	Trường tiểu học Hải Thanh	1108005	
63	Trường tiểu học Thịnh Long	1102679	
64	Trường tiểu học Hải Trung	1102681	
65	Trường tiểu học Hải Triều	1108008	
66	Trường tiểu học Hải Vân	1102684	
67	Trường tiểu học Hải Xuân	1102685	
68	Trường tiểu học Yên Định	1108009	
69	Trường THCS Hải An	1004331	
70	Trường THCS Hải Anh	1004332	
71	Trường THCS Hải Bắc	1004452	
72	Trường THCS TT Cồn	1001415	
73	Trường THCS Hải Cường	1001416	

STT	Tên đơn vị	Mã QHNS	Ghi chú
74	Trường THCS Hải Châu	1004621	
75	Trường THCS Hải Chính	1004622	
76	Trường THCS Hải Đông	1004623	
77	Trường THCS Hải Đường	1001418	
78	Trường THCS Hải Giang	1001420	
79	Trường THCS Hải Hà	1004725	
80	Trường THCS Hải Hòa	1001432	
81	Trường THCS Hải Hưng	1001433	
82	Trường THCS Hải Long	1001434	
83	Trường THCS Hải Lộc	1001435	
84	Trường THCS Hải Lý	1001436	
85	Trường THCS Hải Nam	1001427	
86	Trường THCS Hải Ninh	1010122	
87	Trường THCS Hải Minh	1010092	
88	Trường THCS Hải Phong	1010085	
89	Trường THCS Hải Phúc	1010086	
90	Trường THCS Hải Phú	1010087	
91	Trường THCS Hải Phương	1002589	
92	Trường THCS Hải Quang	1010088	
93	Trường THCS Hải Sơn	1010125	
94	Trường THCS Hải Tân	1080195	
95	Trường THCS Hải Tây	1079949	
96	Trường THCS Hải Thanh	1080051	
97	Trường THCS Thịnh Long	1010095	
98	Trường THCS Hải Trung	1010096	
99	Trường THCS Hải Triều	1002486	
100	Trường THCS Hải Vân	1001858	
101	Trường THCS Hải Xuân	1002592	
102	Trường THCS Yên Định	1002593	
103	Trường THCS Hải Hậu	1002487	